

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021  
**CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

## MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	13 - 43
8. Phụ lục	44

\*\*\*\*\*

## **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nam Việt (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

### **Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần Nam Việt hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1600168736, đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 10 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 10 tháng 7 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang.
- Điện thoại : (0296) 3834060
- Fax : (0296) 3834054

Công ty có đơn vị trực thuộc là Nhà máy Chế biến Thức ăn Thủy sản – Chi nhánh Công ty Cổ phần Nam Việt, đặt tại Khu công nghiệp Thốt Nốt, Phường Thới Thuận, Quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ.

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Nuôi cá;
- Sản xuất bao bì giấy;
- In bao bì các loại;
- Sản xuất, chế biến và bảo quản thủy sản;
- Sản xuất dầu Bio-diesel;
- Chế biến dầu cá và bột cá;
- Mua bán cá, thủy sản;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Khai thác khoáng sản: Crômít, muối mỏ công nghiệp và kim loại màu (Sắt, đồng, chì, kẽm);
- Sản xuất và mua bán phân bón;
- Bán buôn hóa chất;
- Sản xuất, chế biến và mua bán thức ăn thủy sản;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Sản xuất và bán buôn thuốc thú y, thủy sản;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Sản xuất điện năng lượng mặt trời;
- Truyền tải và phân phối điện;
- Xây dựng nhà để ở;
- Xây dựng nhà không để ở;
- Xây dựng công trình đường sắt;
- Xây dựng công trình đường bộ;
- Xây dựng công trình thủy;
- Xây dựng công trình khai khoáng;
- Xây dựng công trình chế biến, chế tạo;
- Sản xuất keo Gentaline và Glycerin (nguyên liệu để sản xuất vỏ con nhộng chứa thuốc);
- Khách sạn, biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày ;
- Cho thuê nhà, đất không phải để ở như văn phòng, cửa hàng, trung tâm thương mại, nhà xưởng sản xuất, khu triển lãm và nhà kho.



**Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Đỗ Lập Nghiệp	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2020
Ông Doãn Tới	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2020
Ông Doãn Chí Thanh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2021
Ông Doãn Chí Thiên	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2021
Bà Nguyễn Thị Minh Ý	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 5 năm 2019
Bà Doãn Hải Phượng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 5 năm 2019
Ông Trần Minh Cảnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2021

**Ban Tổng Giám đốc**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Doãn Tới	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 14 tháng 7 năm 2020
Bà Dương Thị Kim Hương	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 7 năm 2007
Ông Đỗ Lập Nghiệp	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 8 năm 2011
Ông Nguyễn Văn Vỹ	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 4 năm 2019
Ông Trần Minh Cảnh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2020

**Đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Doãn Tới – Tổng Giám đốc (tái bổ nhiệm ngày 14 tháng 7 năm 2020).

Ông Doãn Tới đã ủy quyền cho Ông Trần Minh Cảnh - Phó Tổng Giám đốc ký Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 theo Giấy ủy quyền số 400/GUQ-KTTC ngày 01 tháng 01 năm 2022.

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

**Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị,  
  
**CHỦ TỊCH**  
  
*Đỗ Lập Nghiệp*

Ngày 26 tháng 3 năm 2022





Số: 1.0645/22/TC-AC

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP****Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Nam Việt (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 20 tháng 3 năm 2022, từ trang 06 đến trang 44, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nam Việt tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&amp;C

**Nguyễn Minh Trí - Phó Tổng Giám đốc**  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0089-2018-008-1**Phan Vũ Công Bá - Kiểm toán viên**  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0197-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2022

**CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>2.937.403.927.082</b>	<b>2.679.206.373.784</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>5.398.083.667</b>	<b>15.662.317.191</b>
1. Tiền	111		5.398.083.667	15.662.317.191
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>631.630.000.000</b>	<b>291.170.000.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	631.630.000.000	291.170.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.007.491.432.652</b>	<b>1.074.795.753.258</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	983.690.698.764	1.026.992.595.861
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	18.441.590.029	9.449.582.256
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	32.227.437.018
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	19.962.736.231	20.803.603.004
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(14.603.592.372)	(14.677.464.881)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>1.252.633.286.089</b>	<b>1.263.768.340.958</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.8	1.256.216.327.392	1.267.668.685.214
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.8	(3.583.041.303)	(3.900.344.256)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>40.251.124.674</b>	<b>33.809.962.377</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	7.627.022.410	6.476.722.915
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		32.624.102.264	27.333.239.462
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.299.721.053.432</b>	<b>1.387.754.449.390</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>4.054.230.352</b>	<b>3.395.230.352</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5	150.000.000	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	3.904.230.352	3.395.230.352
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>443.748.373.619</b>	<b>469.141.102.301</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	117.085.258.024	149.750.687.237
- Nguyên giá	222		647.594.647.314	652.315.959.488
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(530.509.389.290)	(502.565.272.251)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	82.425.296.714	72.185.838.217
- Nguyên giá	225		102.574.607.046	80.011.702.515
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(20.149.310.332)	(7.825.864.298)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	244.237.818.881	247.204.576.847
- Nguyên giá	228		263.021.971.486	263.142.512.253
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(18.784.152.605)	(15.937.935.406)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>160.367.553.448</b>	<b>100.589.583.221</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	160.367.553.448	100.589.583.221
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>656.309.415.321</b>	<b>781.797.294.892</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	645.000.000.000	645.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	23.240.000.000	23.240.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	20.304.000.000	143.904.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2b	(32.234.584.679)	(30.346.705.108)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>35.241.480.692</b>	<b>32.831.238.624</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	35.241.480.692	32.831.238.624
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>4.237.124.980.514</b>	<b>4.066.960.823.174</b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>2.060.736.445.464</b>	<b>1.933.611.363.292</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>2.031.794.656.050</b>	<b>1.895.139.037.972</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	243.485.277.694	400.019.119.182
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	41.954.286.433	10.162.999.103
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	13.619.661.216	27.457.219.684
4. Phải trả người lao động	314	V.17	24.500.298.916	22.166.346.472
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	6.194.175.811	6.919.450.589
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		139.321.513	141.845.950
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19	168.519.420.919	102.769.530.470
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20a	1.533.035.976.570	1.325.091.289.544
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.21	346.236.978	411.236.978
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>28.941.789.414</b>	<b>38.472.325.320</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20b	28.941.789.414	38.472.325.320
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

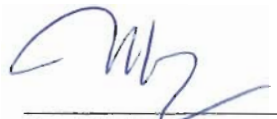
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>2.176.388.535.050</b>	<b>2.133.349.459.882</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>2.176.388.535.050</b>	<b>2.133.349.459.882</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.22	1.275.396.250.000	1.275.396.250.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.275.396.250.000	1.275.396.250.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.22	21.489.209.100	21.489.209.100
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.22	(27.587.629.848)	(27.587.629.848)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.22	907.090.705.798	864.051.630.630
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		736.923.755.630	864.051.630.630
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		170.166.950.168	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>4.237.124.980.514</b>	<b>4.066.960.823.174</b>

An Giang, ngày 20 tháng 3 năm 2022


Cao Thị Kim Thơ  
Người lập

Huỳnh Thị Kim Thoa  
Giám đốc tài chínhTrần Minh Cảnh  
Phó Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	4.263.488.498.258	4.304.275.209.644
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	9.357.648.640	37.930.548.812
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		4.254.130.849.618	4.266.344.660.832
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	3.863.194.751.906	3.882.774.805.447
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		390.936.097.712	383.569.855.385
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	164.596.901.067	44.433.501.798
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	88.875.501.408	83.629.725.952
Trong đó: chi phí lãi vay	23		69.116.476.639	55.577.477.407
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	252.324.942.538	157.977.274.282
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	35.958.894.999	43.448.356.789
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		178.373.659.834	142.948.000.160
11. Thu nhập khác	31	VI.8	8.764.709.061	11.629.543.756
12. Chi phí khác	32	VI.9	304.052.279	537.562.255
13. Lợi nhuận khác	40		8.460.656.782	11.091.981.501
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		186.834.316.616	154.039.981.661
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.16	16.667.366.448	24.383.149.360
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>170.166.950.168</u>	<u>129.656.832.301</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	-	-

An Giang, ngày 20 tháng 3 năm 2022


Cao Thị Kim Thơ  
Người lập

Huỳnh Thị Kim Thoa  
Giám đốc tài chínhTrần Minh Cảnh  
Phó Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		186.834.316.616	154.039.981.661
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.10; V.11; V.12	54.830.893.188	54.161.272.558
- Các khoản dự phòng	03	V.2; V.7; V.8	8.912.704.109	23.603.551.663
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4 ; VI.5	1.962.723.715	(698.690.225)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.4; VI.5; VI.8	(147.647.946.737)	(32.733.439.533)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	69.116.476.639	55.577.477.407
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		174.009.167.530	253.950.153.531
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		9.695.982.989	(389.862.262.567)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		11.452.357.822	(45.717.434.046)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(75.800.598.181)	59.214.208.651
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(3.560.541.563)	(2.421.403.873)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.18; VI.5	(68.778.608.493)	(56.327.579.539)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.16	(30.065.102.988)	(100.185.642.031)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.21	(65.000.000)	(55.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>16.887.657.116</b>	<b>(281.404.959.874)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.10; V.11; V.12; V.13; VII	(132.002.880.359)	(74.298.796.325)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	V.10; V.12; VI.8, VI.11	37.896.197.609	23.420.152.692
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1.063.023.462.027)	(428.670.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		754.640.899.045	826.589.968.982
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(92.240.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	V.2, V.6, VI.5	125.026.143.290	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.6; VI.4	147.496.501.063	39.823.163.779
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(129.966.601.379)</b>	<b>294.624.489.128</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay		Năm trước	
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>						
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-	-	
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-	-	
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.20; V.II	3.901.874.928.466	3.094.484.450.781		
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.20	(3.715.097.001.700)	(2.940.714.647.664)		
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	V.20	(17.728.754.572)	(13.317.914.582)		
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.19; V.22	(66.196.903.789)	(158.139.811.265)		
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>102.852.268.405</b>	<b>(17.687.922.730)</b>		
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(10.226.675.858)</b>	<b>(4.468.393.476)</b>		
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>15.662.317.191</b>	<b>20.249.954.515</b>		
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(37.557.666)	(119.243.848)		
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>5.398.083.667</b>	<b>15.662.317.191</b>		

An Giang, ngày 20 tháng 3 năm 2022

Cao Thị Kim Thơ  
Người lập

Huỳnh Thị Kim Thoa  
Giám đốc tài chính



Trần Minh Cảnh  
Phó Tổng Giám đốc





# CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nam Việt (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, chế biến và thương mại.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Nuôi cá; Sản xuất bao bì giấy; In bao bì các loại; Sản xuất, chế biến và bảo quản thủy sản; Chế biến dầu cá và bột cá; Mua bán cá, thủy sản; Sản xuất thức ăn thủy sản; Sản xuất điện năng mặt trời; Xây dựng công trình.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 5. Đại dịch Covid-19

Năm 2021, dịch Covid-19 lây lan trên diện rộng đã ảnh hưởng tiêu cực đến nền kinh tế Việt Nam nói chung và hoạt động kinh doanh của Công ty nói riêng do:

- Các địa phương (TP. Hồ Chí Minh, các tỉnh Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long, Miền Trung, TP. Hà Nội,...) phải thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị 16+, Chỉ thị 16 và Chỉ thị 15 trong thời gian dài để kiểm soát dịch bệnh. Các biện pháp ngăn chặn nghiêm ngặt được áp dụng trên phạm vi rộng, giãn cách xã hội kéo dài dẫn đến đứt gãy lưu thông, sản xuất kinh doanh bị đình trệ. Hầu hết các hoạt động thương mại, lưu trú ăn uống phải đóng cửa; chỉ một số cơ sở lưu trú được phép cung cấp dịch vụ cho người bị cách ly có thể hoạt động cầm chừng.
- Công ty đã phải áp dụng phương án sản xuất “3 tại chỗ” trong thời gian từ tháng 07/2021 đến tháng 10/2021 nhằm duy trì hoạt động sản xuất của công ty, đảm bảo giao hàng đúng tiến độ của các đơn hàng đã ký và đảm bảo việc làm cho người lao động nên chi phí vận hành, chi phí ăn, ở và nhu yếu phẩm cho người lao động thực hiện “3 tại chỗ”, chi phí test nhanh để kiểm soát dịch bệnh tại Công ty rất lớn, lực lượng lao động thiếu hụt do nghỉ việc, cung ứng nguyên vật liệu bị gián đoạn nên nhiều trường hợp không thể hoàn thành đơn hàng đúng hạn hoặc hủy bỏ hợp đồng.
- Công ty phải chịu ảnh hưởng đáng kể của sự tăng giá cước vận chuyển cho hàng xuất khẩu.

Các yếu tố trên đã ảnh hưởng đến kết quả hoạt động của Công ty trong năm như sau:

#### Giá vốn hàng bán

- Chi phí ăn uống, nhu yếu phẩm phục vụ 3 tại chỗ 4.024.375.131

- Chi phí hỗ trợ người lao động ở 3 tại chỗ 4.330.399.975

#### Chi phí bán hàng

- Chi phí cước tàu, cước vận chuyển, .... 94.347.668.076

#### Chi phí quản lý doanh nghiệp

- Chi phí test covid cho người lao động 1.114.781.173

#### Ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh

103.817.224.355

# CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 6. Cấu trúc Công ty

#### Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương	Khu Công nghiệp Thốt Nốt, Phường Thới Thuận, Quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ	Gia công chế biến thủy sản, mua bán thực phẩm	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản Nam Việt Bình Phú	19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Nuôi trồng thủy sản nội địa	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Nam Việt Solar	19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Sản xuất điện năng lượng mặt trời	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương Solar	19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Sản xuất điện năng lượng mặt trời	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Đại Tây Dương Solar	19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Sản xuất điện năng lượng mặt trời	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Phân bón Hữu cơ Nam Việt	19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	100%	100%	100%

#### Công ty liên doanh

Công ty chỉ đầu tư vào Công ty TNHH Amicogen Nam Việt có trụ sở chính tại Khu công nghiệp Thốt Nốt, Phường Thới Thuận, Quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ. Hoạt động kinh doanh chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát này là chiết xuất và sản xuất Collagen, Gelatin thủy phân dùng cho dược phẩm, mỹ phẩm và thực phẩm. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát này là 50%, tỷ lệ biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

#### Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân

Công ty có đơn vị trực thuộc là Nhà máy Chế biến Thức ăn Thủy sản – Chi nhánh Công ty Cổ phần Nam Việt, địa chỉ tại Khu Công nghiệp Thốt Nốt, Phường Thới Thuận, Quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ.

### 7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

# CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### 2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá xấp xỉ không vượt quá +/-1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng ngày trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính là tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

### 3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### 4. Các khoản đầu tư tài chính

#### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty chỉ có các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### ***Các khoản cho vay***

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

#### ***Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh***

##### ***Công ty con***

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

##### ***Công ty liên doanh***

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

##### ***Ghi nhận ban đầu***

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chi được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

##### ***Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh***

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con, công ty liên doanh. Nếu công ty con, công ty liên doanh là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

##### ***Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

# CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

### 5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

### 6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.



# CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

### 7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ, tiền thuê đất và chi phí sửa chữa. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

#### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

#### *Tiền thuê đất*

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

#### *Chi phí sửa chữa*

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

### 8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

### 9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 16
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08
Tài sản cố định hữu hình khác	04 - 18

# CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### 10. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của máy móc và thiết bị thuê tài chính là 05 - 16 năm.

### 11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

#### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất của Công ty được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian có quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất không thời hạn không tính khấu hao.

#### *Chương trình phần mềm máy tính*

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 06 năm.

### 12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

## CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

### 13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

### 14. Vốn chủ sở hữu

#### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

#### *Cổ phiếu quỹ*

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

### 15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và khi có thông báo chi trả cổ tức của Hội đồng quản trị.

## CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

#### *Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm*

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### *Cổ tức và lợi nhuận được chia*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

### 17. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá hàng bán, chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu khoản giảm giá hàng bán, chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.



# CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

### 19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

### 20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

#### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.



# CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

### 21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

### 22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### 1. Tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	220.617.204	538.054.184
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.177.466.463	15.124.263.007
<b>Cộng</b>	<b>5.398.083.667</b>	<b>15.662.317.191</b>

### 2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty gồm có đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

#### 2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản tiền gửi có kỳ hạn từ trên 03 tháng đến dưới 12 tháng.

Khoản tiền gửi ngân hàng có giá trị 599.930.000.000 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam, Ngân hàng TMCP Phương Đông, Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam và Ngân hàng BPCE IOM (Xem thuyết minh số V.20), đồng thời được dùng để bảo lãnh cho Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản Nam Việt Bình Phú thực hiện hợp đồng với Điện lực Châu Phú.

## CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>645.000.000.000</b>	<b>(18.880.409.195)</b>	<b>645.000.000.000</b>	<b>(10.254.771.876)</b>
Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương <sup>(i)</sup>	36.000.000.000	-	36.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản Nam Việt Bình Phú <sup>(ii)</sup>	540.000.000.000	(18.813.453.375)	540.000.000.000	(10.234.320.769)
Công ty TNHH MTV Nam Việt Solar <sup>(iii)</sup>	54.000.000.000	-	54.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Đại Tây Dương Solar <sup>(iv)</sup>	5.000.000.000	-	5.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương Solar <sup>(v)</sup>	5.000.000.000	-	5.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Phân bón Hữu cơ Nam Việt <sup>(vi)</sup>	5.000.000.000	(66.955.820)	5.000.000.000	(20.451.107)
<b>Đầu tư vào công ty liên doanh</b>	<b>23.240.000.000</b>	<b>(183.980.054)</b>	<b>23.240.000.000</b>	<b>(292.321.801)</b>
Công ty TNHH Amicogen Nam Việt <sup>(vii)</sup>	23.240.000.000	(183.980.054)	23.240.000.000	(292.321.801)
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>20.304.000.000</b>	<b>(13.170.195.430)</b>	<b>143.904.000.000</b>	<b>(19.799.611.431)</b>
Ngân hàng TMCP Hàng Hải (MSB) <sup>(viii)</sup>	-	-	123.600.000.000	(7.416.000.000)
Công ty Cổ phần Cromit Cổ Định Thanh Hóa	20.304.000.000	(13.170.195.430)	20.304.000.000	(12.383.611.431)
<b>Cộng</b>	<b>688.544.000.000</b>	<b>(32.234.584.679)</b>	<b>812.144.000.000</b>	<b>(30.346.705.108)</b>



- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5704000012 đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 30 tháng 8 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Cần Thơ cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương 36.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã góp đủ vốn điều lệ.
- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1602085059 đăng ký thay đổi lần thứ 04 ngày 13 tháng 5 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản Nam Việt Bình Phú 540.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã góp đủ vốn điều lệ.
- (iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1602123547 đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 19 tháng 6 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Nam Việt Solar 54.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã góp đủ vốn điều lệ.
- (iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1602125914 ngày 20 tháng 6 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Đại Tây Dương Solar 5.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã góp đủ vốn điều lệ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

- (v) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1602125939 ngày 22 tháng 6 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương Solar 5.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã góp đủ vốn điều lệ.
- (vi) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1602127710 đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 27 tháng 7 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Phân bón hữu cơ Nam Việt 5.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã góp đủ vốn điều lệ.
- (vii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1801666883 đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 22 tháng 7 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Cần Thơ cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Amicogen Nam Việt 23.240.000.000 VND, tương đương 50% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã góp đủ vốn điều lệ.
- (viii) Trong năm, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ cổ phiếu Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam.

#### *Giá trị hợp lý*

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

#### *Tình hình hoạt động của các công ty con, công ty liên doanh*

Ngoài Công ty TNHH MTV Phân bón hữu cơ Nam Việt (công ty con) và Công ty TNHH Amicogen Nam Việt (công ty liên doanh) chưa đi vào hoạt động, các công ty con khác đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

#### *Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	30.346.705.108	11.169.517.236
Trích lập dự phòng bổ sung	9.303.879.571	19.177.187.872
Xóa sổ dự phòng do thanh lý, chuyển nhượng đầu tư	(7.416.000.000)	-
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>32.234.584.679</u></b>	<b><u>30.346.705.108</u></b>

#### *Giao dịch với các công ty con, công ty liên doanh*

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con, công ty liên doanh như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương</b>		
Bán thành phẩm, bao bì	524.823.672.220	633.375.217.668
Bán nguyên vật liệu	13.394.930	127.988.214
Chi phí gia công	364.441.672.885	436.857.234.290
Bán điện mặt trời	1.789.305.012	-
Mua vật tư, nguyên liệu	165.317.850.455	189.616.435.775
Thuê tài sản hoạt động	11.580.000.000	11.580.000.000
Lợi nhuận được chia	125.000.000.000	-
Chi hộ	15.454.125	-

#### **Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản Nam**

##### **Việt Bình Phú**

Bán nguyên liệu	593.681.445	1.497.934.879
Bán thành phẩm	782.925.839.276	797.947.691.876
Chi hộ	-	222.841.097

## CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi cho vay	398.765.193	5.531.411.440
Mua nguyên vật liệu	1.079.466.510.995	697.357.978.563
Thu hộ	-	2.520.000.000
<b>Công ty TNHH MTV Nam Việt Solar</b>		
Góp vốn	-	54.000.000.000
Bán vật tư, nguyên liệu	8.470.162	120.267.512
Doanh thu cho thuê kho	45.500.000	-
Mua hệ thống điện năng lượng mặt trời	-	38.113.815.851
Mua điện	11.632.932.244	2.138.138.078
Mua vật tư, nguyên liệu	408.039.475	23.106.365
<b>Công ty TNHH MTV Đại Tây Dương Solar</b>		
Góp vốn	-	5.000.000.000
Doanh thu cho thuê kho	45.500.000	-
Mua điện	74.738.390	10.443.815
Thu hộ	-	5.889.972
<b>Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương Solar</b>		
Góp vốn	-	5.000.000.000
Doanh thu cho thuê kho	45.500.000	-
Thu hộ	-	6.440.028
<b>Công ty TNHH MTV Phân bón Hữu cơ Nam Việt</b>		
Góp vốn	-	5.000.000.000
Bán nguyên liệu	-	17.799.100
Vay	-	4.500.000.000
<b>Công ty TNHH Amicogen Nam Việt</b>		
Góp vốn	-	23.240.000.000
Doanh thu thi công công trình	2.123.375.678	-
Doanh thu cho thuê	46.900.000	-
Vay	-	46.300.000.000
Chi hộ	-	3.000.000
<b>3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>675.372.590.065</b>	<b>730.795.244.181</b>
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Navifeed	-	4.205.100.030
Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản Nam Việt Bình Phú	675.372.590.065	726.590.144.151
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>	<b>308.318.108.699</b>	<b>296.197.351.680</b>
Các khách hàng nước ngoài	277.569.382.799	252.797.144.468
Các khách hàng trong nước	30.748.725.900	43.400.207.212
<b>Cộng</b>	<b><u>983.690.698.764</u></b>	<b><u>1.026.992.595.861</u></b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	<i>12.703.810.162</i>	<i>7.073.068.366</i>
Công ty TNHH Đại Tây Dương	12.703.810.162	7.073.068.366
<i>Trả trước cho các người bán khác</i>	<i>5.737.779.867</i>	<i>2.376.513.890</i>
Các nhà cung cấp nước ngoài	457.690.850	-
Các nhà cung cấp trong nước là chủ vùng nuôi cá	1.664.053.500	-
Các nhà cung cấp trong nước khác	3.616.035.517	2.376.513.890
<b>Cộng</b>	<b>18.441.590.029</b>	<b>9.449.582.256</b>

#### 5. Phải thu về cho vay dài hạn

Khoản cho Bà Huỳnh Thị Hoàng Dung vay.

#### 6. Phải thu khác

##### 6a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>300.000.000</i>	-	<i>1.696.813.587</i>	-
Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản Nam Việt Bình Phú - Chi hệ	-	-	1.611.134.097	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Navifood - Lãi trả chậm	-	-	85.679.490	-
Công ty TNHH Amicogen Nam Việt – Ký quỹ	300.000.000	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>19.662.736.231</i>	<i>(480.505.815)</i>	<i>19.106.789.417</i>	<i>(244.996.212)</i>
Tạm ứng	8.736.729.572	(480.505.815)	1.622.116.808	-
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	8.257.966.473	-	6.144.538.852	-
Tiền lãi cho vay	710.137	-	244.996.212	(244.996.212)
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	32.780.000	-	30.000.000	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt - Tiền bán cổ phiếu phải thu	-	-	10.704.400.890	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	2.634.550.049	-	360.736.655	-
<b>Cộng</b>	<b>19.962.736.231</b>	<b>(480.505.815)</b>	<b>20.803.603.004</b>	<b>(244.996.212)</b>

##### 6b. Phải thu dài hạn khác

Ký quỹ, ký cược dài hạn.

#### 7. Nợ xấu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Thời gian quá hạn	Giá gốc
<i>Phải thu tiền bán hàng</i>		<i>29.941.127.082</i>		<i>24.043.687.132</i>
				<i>10.111.218.463</i>
<i>Quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm</i>		<i>22.329.400.000</i>	<i>Quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm</i>	<i>3.911.452.188</i>
				<i>2.738.016.531</i>
<i>Quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm</i>		<i>191.441.250</i>	<i>Quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm</i>	<i>12.535.589.779</i>
				<i>6.267.794.890</i>
<i>Quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm</i>		<i>305.799.667</i>	<i>Quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm</i>	<i>3.684.690.141</i>
				<i>1.105.407.042</i>
<i>Quá hạn trên 03 năm</i>		<i>7.114.486.165</i>	<i>Quá hạn trên 03 năm</i>	<i>3.911.955.024</i>
				-



**CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Thời gian quá hạn	Giá gốc
<b>Phải thu cho vay</b>				
	-	-	500.000.000	-
			<i>Quá hạn trên 03 năm</i>	-
	-	-	500.000.000	-
<b>Phải thu khác</b>	961.011.630	480.505.815	244.996.212	-
<i>Quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm</i>			<i>Quá hạn trên 03 năm</i>	-
	961.011.630	480.505.815	244.996.212	-
<b>Cộng</b>	<b>30.902.138.712</b>	<b>16.298.546.340</b>	<b>24.788.683.344</b>	<b>10.111.218.463</b>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu và cho vay khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	14.677.464.881	11.810.039.349
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng	(73.872.509)	4.439.296.361
Xóa nợ	-	(1.571.870.829)
<b>Số cuối năm</b>	<b>14.603.592.372</b>	<b>14.677.464.881</b>

**8. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	2.890.272.000	-
Nguyên liệu, vật liệu	169.044.316.404	-	182.666.008.381	-
Công cụ, dụng cụ	4.607.743.063	-	4.660.056.974	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	596.739.831.296	-	402.091.775.380	-
Thành phẩm	424.416.990.535	(3.583.041.303)	659.770.185.932	(3.900.344.256)
Hàng gửi đi bán	61.407.446.094	-	15.590.386.547	-
<b>Cộng</b>	<b>1.256.216.327.392</b>	<b>(3.583.041.303)</b>	<b>1.267.668.685.214</b>	<b>(3.900.344.256)</b>

Hàng tồn kho có trị giá 130.514.428.089 VND (số đầu năm là 143.646.253.679 VND) đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam (Xem thuyết minh số V.20).

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	3.900.344.256	3.913.276.826
Hoàn nhập dự phòng	(317.302.953)	(12.932.570)
<b>Số cuối năm</b>	<b>3.583.041.303</b>	<b>3.900.344.256</b>

**9. Chi phí trả trước****9a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền thuê đất	766.666.665	2.362.500.001
Công cụ, dụng cụ	368.617.518	294.705.060
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	6.491.738.227	3.819.517.854
<b>Cộng</b>	<b>7.627.022.410</b>	<b>6.476.722.915</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### 9b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền thuê đất	27.364.652.736	28.279.348.644
Chi phí sửa chữa	3.611.734.908	4.321.399.626
Công cụ, dụng cụ	68.068.369	31.674.243
Các chi phí trả trước dài hạn khác	4.197.024.679	198.816.111
<b>Cộng</b>	<b><u>35.241.480.692</u></b>	<b><u>32.831.238.624</u></b>

### 10. Tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Tài sản cố định hữu hình khác</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm	181.828.148.785	367.408.143.349	56.339.494.993	7.945.403.259	38.794.769.102	652.315.959.488
Mua trong năm	-	28.823.440.412	1.450.429.091	174.795.454	-	30.448.664.957
Đầu tư XDCB hoàn thành	1.285.371.384	842.553.325	488.311.970	-	-	2.616.236.679
Thanh lý, nhượng bán	-	(33.013.783.696)	(4.644.795.000)	(127.635.114)	-	(37.786.213.810)
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>183.113.520.169</u></b>	<b><u>364.060.353.390</u></b>	<b><u>53.633.441.054</u></b>	<b><u>7.992.563.599</u></b>	<b><u>38.794.769.102</u></b>	<b><u>647.594.647.314</u></b>
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	95.402.940.879	259.367.581.611	18.149.758.900	5.171.812.616	429.214.646	378.521.308.652
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn</b>						
Số đầu năm	129.216.882.114	310.785.907.849	35.252.937.059	6.906.315.029	20.403.230.200	502.565.272.251
Khấu hao trong năm	9.220.615.048	18.821.433.314	6.291.459.148	625.955.987	4.662.511.858	39.621.975.355
Thanh lý, nhượng bán	-	(7.122.464.812)	(4.427.758.390)	(127.635.114)	-	(11.677.858.316)
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>138.437.497.162</u></b>	<b><u>322.484.876.351</u></b>	<b><u>37.116.637.817</u></b>	<b><u>7.404.635.902</u></b>	<b><u>25.065.742.058</u></b>	<b><u>530.509.389.290</u></b>
<i>Trong đó:</i>						
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	52.611.266.671	56.622.235.500	21.086.557.934	1.039.088.230	18.391.538.902	149.750.687.231
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>44.676.023.007</u></b>	<b><u>41.575.477.039</u></b>	<b><u>16.516.803.237</u></b>	<b><u>587.927.697</u></b>	<b><u>13.729.027.044</u></b>	<b><u>117.085.258.024</u></b>
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

### 11. Tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản cố định thuê tài chính của Công ty là máy móc, thiết bị. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Giá trị hao mòn</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	80.011.702.515	7.825.864.298	72.185.838.217
Thuê tài chính trong năm	22.562.904.531	-	-
Khấu hao trong năm	-	12.323.446.034	-
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>102.574.607.046</u></b>	<b><u>20.149.310.332</u></b>	<b><u>82.425.296.714</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****12. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	262.822.266.653	320.245.600	263.142.512.253
Thanh lý, nhượng bán	-	(39.254.600)	(39.254.600)
Giảm do Nhà nước thu hồi	(81.286.167)	-	(81.286.167)
<b>Số cuối năm</b>	<b>262.740.980.486</b>	<b>280.991.000</b>	<b>263.021.971.486</b>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	643.380.000	280.991.000	924.371.000
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	15.617.689.806	320.245.600	15.937.935.406
Khấu hao trong năm	2.885.471.799	-	2.885.471.799
Thanh lý, nhượng bán	-	(39.254.600)	(39.254.600)
<b>Số cuối năm</b>	<b>18.503.161.605</b>	<b>280.991.000</b>	<b>18.784.152.605</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	247.204.576.847	-	247.204.576.847
<b>Số cuối năm</b>	<b>244.237.818.881</b>	-	<b>244.237.818.881</b>
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Một số tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 103.664.809.048 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và để đảm bảo cho khoản vay của Công ty TNHH MTV Ân Độ Dương tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

**13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	29.009.063.531	1.393.629.091	(28.669.850.722)	-	1.732.841.900
Xây dựng cơ bản dở dang	71.433.776.490	89.890.658.898	(2.616.236.679)	(488.911.012)	158.219.287.697
Dự án khu nuôi trồng thủy sản - Đất	66.345.593.554	88.859.643.602	-	-	155.205.237.156
Chi phí xây dựng các khu nuôi trồng thủy sản	2.399.273.067	459.445.739	(243.820.979)	(488.911.012)	2.125.986.815
Nhà máy chế biến thức ăn	1.578.354.816	179.008.215	(1.497.904.499)	-	259.458.532
Các hạng mục khác	1.110.555.053	392.561.342	(874.511.201)	-	628.605.194
Sửa chữa lớn tài sản cố định	146.743.200	874.453.358	-	(605.772.707)	415.423.851
<b>Cộng</b>	<b>100.589.583.221</b>	<b>92.158.741.347</b>	<b>(31.286.087.401)</b>	<b>(1.094.683.719)</b>	<b>160.367.553.448</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 14. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>71.193.323.249</i>	<i>173.349.486.878</i>
Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương	69.158.669.389	144.101.396.702
Công ty TNHH MTV Nam Việt Solar	2.026.894.108	29.241.090.176
Công ty TNHH MTV Đại Tây Dương Solar	7.759.752	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Navifeed	-	7.000.000
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>172.291.954.445</i>	<i>226.669.632.304</i>
Các nhà cung cấp trong nước	161.651.847.057	203.568.657.367
Các nhà cung cấp trong nước là chủ vùng nuôi cá	2.808.254.300	-
Các nhà cung cấp nước ngoài	7.831.853.088	23.100.974.937
<b>Cộng</b>	<b>243.485.277.694</b>	<b>400.019.119.182</b>

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

### 15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của bên liên quan</i>	<i>11.056.568.772</i>	<i>2.515.395.400</i>
Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương	-	2.515.395.400
Công ty TNHH Amicogen Nam Việt	11.056.568.772	-
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<i>30.897.717.661</i>	<i>7.647.603.703</i>
Các khách hàng trong nước	13.505.126.566	2.585.525.903
Các khách hàng nước ngoài	17.392.591.095	5.062.077.800
<b>Cộng</b>	<b>41.954.286.433</b>	<b>10.162.999.103</b>

### 16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã thực nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	-	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	246.782.387	(246.782.387)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	24.384.387.450	16.667.366.448	(30.065.102.988)	10.986.650.910
Thuế thu nhập cá nhân	3.071.561.834	5.894.936.370	(6.335.669.658)	2.630.828.546
Thuế tài nguyên	1.270.400	17.412.480	(16.501.120)	2.181.760
Thuế môn bài	-	4.000.000	(4.000.000)	-
<b>Cộng</b>	<b>27.457.219.684</b>	<b>22.830.497.685</b>	<b>(36.668.056.153)</b>	<b>13.619.661.216</b>

#### Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Thành phẩm xuất khẩu 0%
- Cá nguyên liệu - Công ty tự nuôi bán tổ chức, cá nhân Không chịu thuế
- Cá nguyên liệu - Công ty mua ngoài bán tổ chức Không kê khai, tính thuế
- Cá nguyên liệu - Công ty mua ngoài bán cá nhân 5%
- Sản phẩm dịch vụ khác 10%



# CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Theo Luật số 71/2014/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 thì thu nhập từ hoạt động nuôi trồng, chế biến thủy sản được áp dụng thuế suất 10% (đối với địa bàn khó khăn) và 15% từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Theo Công văn số 1534/BTC-CST ngày 31 tháng 01 năm 2019 của Bộ Tài chính gửi Cục thuế các tỉnh, thành phố, thu nhập từ hoạt động sản xuất điện từ năng lượng mặt trời được áp dụng thuế suất 10% trong thời hạn 15 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn thuế trong 04 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo. Năm 2020 là năm đầu tiên Công ty có thu nhập từ hoạt động này.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	186.834.316.616	154.039.981.661
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	98.630.550.097	76.705.186.118
- Các khoản điều chỉnh giảm	<u>(80.531.612.164)</u>	<u>(81.521.655.213)</u>
Thu nhập chịu thuế	204.933.254.549	149.223.512.566
Thu nhập được miễn thuế	<u>(125.000.000.000)</u>	-
Thu nhập tính thuế	79.933.254.549	149.223.512.566
Trong đó:		
- Thu nhập được hưởng ưu đãi (thuế suất 10%)	-	29.620.299.416
- Thu nhập được hưởng ưu đãi (thuế suất 15%)	-	49.430.306.119
- Thu nhập không được hưởng ưu đãi	<u>79.933.254.549</u>	<u>70.172.907.031</u>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<u><b>15.986.650.910</b></u>	<u><b>24.411.157.265</b></u>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn</b>	-	<u><b>(13.044.551)</b></u>
<b>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</b>	<u><b>680.715.538</b></u>	<u><b>(14.963.354)</b></u>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</b>	<u><b>16.667.366.448</b></u>	<u><b>24.383.149.360</b></u>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

### **Thuế tài nguyên**

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước với mức 4.000 VND/m<sup>3</sup>x8%.

### **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

## **17. Phải trả người lao động**

Tiền lương tháng 12 và tháng 13 còn phải trả nhân viên.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****18. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay	1.511.198.317	1.173.330.171
Chi phí cước tàu	1.701.818.000	554.800.000
Chi phí hoa hồng môi giới	2.856.159.494	5.076.320.418
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	125.000.000	115.000.000
<b>Cộng</b>	<b>6.194.175.811</b>	<b>6.919.450.589</b>

**19. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>156.786.578.947</i>	<i>95.898.069.735</i>
Ông Doãn Tới - Cổ tức phải trả	139.566.578.947	91.767.894.735
Ông Doãn Chí Thanh - Cổ tức phải trả	17.160.000.000	-
Ông Doãn Chí Thiên - Cổ tức phải trả	60.000.000	4.130.175.000
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>11.732.841.972</i>	<i>6.871.460.735</i>
Kinh phí công đoàn	3.270.932.937	1.493.565.982
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.241.530.000	1.240.390.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	2.100.981.099	2.058.519.100
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	5.119.397.936	2.078.985.653
<b>Cộng</b>	<b>168.519.420.919</b>	<b>102.769.530.470</b>

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

**20. Vay và nợ thuê tài chính****20a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	<i>303.446.473.400</i>	<i>125.872.223.400</i>
Vay Ông Doãn Tới <sup>(a)</sup>	303.446.473.400	46.122.223.400
Vay Công ty TNHH Amicogen Nam Việt	-	45.750.000.000
Vay Ông Doãn Chí Thanh	-	27.000.000.000
Vay Ông Doãn Chí Thiên	-	7.000.000.000
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân</i>	<i>1.229.589.503.170</i>	<i>1.199.219.066.144</i>
Vay ngắn hạn ngân hàng	1.208.483.819.281	1.169.321.043.180
Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam <sup>(b)</sup>	245.088.754.879	522.172.840.451
Vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	-	63.900.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam <sup>(c)</sup>	125.110.555.090	219.046.300.880
Vay Ngân hàng United Overseas Bank <sup>(d)</sup>	113.396.408.100	89.784.434.869
Vay Ngân hàng TMCP Quân đội	-	9.754.912.290
Vay Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam <sup>(e)</sup>	88.518.988.200	127.227.870.000
Vay Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam <sup>(f)</sup>	456.627.479.650	137.434.684.690
Vay Ngân hàng TMCP Phương Đông <sup>(g)</sup>	78.624.432.250	-
Vay Ngân hàng TNHH MTV Worri Việt Nam <sup>(h)</sup>	68.295.000.000	-
Vay Ngân hàng TNHH CTBC <sup>(i)</sup>	8.896.822.712	-
Vay Ngân hàng BPCE IOM <sup>(j)</sup>	23.925.378.400	-

## CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	2.051.000.000	879.000.000
Vay ngắn hạn các cá nhân khác	-	12.800.000.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20b)	19.054.683.889	16.219.022.964
<b>Cộng</b>	<b><u>1.533.035.976.570</u></b>	<b><u>1.325.091.289.544</u></b>

- (a) Khoản vay không có tài sản đảm bảo Ông Đoàn Tới để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay 12 tháng.
- (b) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất (xem thuyết minh số V.12) và hàng tồn kho (xem thuyết minh số V.8) của Công ty và quyền sử dụng đất của Công ty MTV Nuôi trồng Thủy sản Nam Việt Bình Phú đang ủy quyền cho các cá nhân đứng tên.
- (c) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 08 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng tồn kho (xem thuyết minh số V.8) và quyền sử dụng đất của Công ty (xem thuyết minh số V.12).
- (d) Khoản vay Ngân hàng United Overseas Bank để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này được Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty bảo lãnh.
- (e) Khoản vay Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam không có tài sản đảm bảo để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng.
- (f) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi có kỳ hạn của Công ty (xem thuyết minh số V.2).
- (g) Khoản vay Ngân hàng TMCP Phương Đông để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi có kỳ hạn của Công ty (xem thuyết minh số V.2).
- (h) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi có kỳ hạn của Công ty (xem thuyết minh số V.2).
- (i) Khoản vay Ngân hàng TNHH CTBC không có tài sản đảm bảo để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng.
- (j) Khoản vay Ngân hàng BPCE IOM Việt Nam để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi có kỳ hạn của Công ty (xem thuyết minh số V.2).

Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.



**CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay và nợ thuê tài chính dài hạn	Chênh lệch tỷ giá	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	1.169.321.043.180	3.479.180.678.466	-	869.099.335	(3.440.887.001.700)	1.208.483.819.281
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	46.629.000.000	1.967.000.000	-	-	(46.545.000.000)	2.051.000.000
Vay ngắn hạn các cá nhân	92.922.223.400	420.527.250.000	-	-	(210.003.000.000)	303.446.473.400
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	16.219.022.964	1.646.979.936	18.917.435.561	-	(17.728.754.572)	19.054.683.889
<b>Cộng</b>	<b>1.325.091.289.544</b>	<b>3.903.321.908.402</b>	<b>18.917.435.561</b>	<b>869.099.335</b>	<b>(3.715.163.756.272)</b>	<b>1.533.035.976.570</b>

**20b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Vay dài hạn phải trả các bên liên quan</b>	<b>3.040.000.000</b>	<b>20.702.000.000</b>
Vay Ông Doãn Chí Thanh	-	16.302.000.000
Vay Công ty TNHH MTV Phân bón hữu cơ Nam Việt <sup>(i)</sup>	3.040.000.000	4.400.000.000
<b>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức khác</b>	<b>25.901.789.414</b>	<b>17.770.325.320</b>
Vay dài hạn các cá nhân <sup>(ii)</sup>	200.000.000	-
Nợ thuê tài chính dài hạn	25.701.789.414	17.770.325.320
Thuê tài chính Công ty TNHH Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam để mua máy móc thiết bị	14.891.200.004	5.781.617.007
Thuê tài chính Công ty TNHH Cho thuê tài chính Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam để mua máy móc thiết bị	6.725.168.047	-
Thuê tài chính Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease để mua máy móc thiết bị	4.085.421.363	11.988.708.313
<b>Cộng</b>	<b>28.941.789.414</b>	<b>38.472.325.320</b>

<sup>(i)</sup> Khoản vay không có tài sản đảm bảo Công ty TNHH MTV Phân bón hữu cơ Nam Việt để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay 36 tháng.<sup>(ii)</sup> Khoản vay không có tài sản đảm bảo Ông Mai Văn Nam để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay 07 năm.

Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

Số cuối năm	Tổng nợ	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm
Vay dài hạn tổ chức khác	3.040.000.000	-	3.040.000.000	-
Vay dài hạn cá nhân	200.000.000	-	-	200.000.000
Nợ thuê tài chính	44.756.473.303	19.054.683.889	25.564.541.111	137.248.303
<b>Cộng</b>	<b>47.996.473.303</b>	<b>19.054.683.889</b>	<b>28.604.541.111</b>	<b>337.248.303</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Tổng nợ	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm
<b>Số đầu năm</b>				
Vay dài hạn tổ chức khác	4.400.000.000	-	4.400.000.000	-
Vay dài hạn cá nhân	16.302.000.000	-	16.302.000.000	-
Nợ thuê tài chính	33.989.348.284	16.219.022.964	17.770.325.320	-
<b>Cộng</b>	<b>54.691.348.284</b>	<b>16.219.022.964</b>	<b>38.472.325.320</b>	<b>-</b>

Chi tiết số phát sinh về nợ thuê tài chính dài hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Kết chuyển sang vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	Số cuối năm
Vay dài hạn tổ chức khác	4.400.000.000	-	(1.360.000.000)	-	3.040.000.000
Vay dài hạn cá nhân	16.302.000.000	200.000.000	(16.302.000.000)	-	200.000.000
Nợ thuê tài chính	17.770.325.320	26.848.899.655	-	(18.917.435.561)	25.701.789.414
<b>Cộng</b>	<b>38.472.325.320</b>	<b>27.048.899.655</b>	<b>(17.662.000.000)</b>	<b>(18.917.435.561)</b>	<b>28.941.789.414</b>

**20c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán**

Công ty không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

**21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Số đầu năm	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	163.631.160	-	163.631.160
Quỹ phúc lợi	247.605.818	(65.000.000)	182.605.818
<b>Cộng</b>	<b>411.236.978</b>	<b>(65.000.000)</b>	<b>346.236.978</b>

**22. Vốn chủ sở hữu****22a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

**22b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ông Doãn Tới	718.050.000.000	718.050.000.000
Ông Doãn Chí Thanh	171.600.000.000	171.600.000.000
Ông Doãn Chí Thiên	121.599.990.000	171.599.990.000
Các cổ đông khác	260.028.760.000	210.028.760.000
<b>Cộng</b>	<b>1.271.278.750.000</b>	<b>1.271.278.750.000</b>

**22c. Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	127.539.625	127.539.625
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	127.539.625	127.539.625
- Cổ phiếu phổ thông	127.539.625	127.539.625
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	411.750	411.750
- Cổ phiếu phổ thông	411.750	411.750
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

# CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	127.127.875	127.127.875
- Cổ phiếu phổ thông	127.127.875	127.127.875
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

### 22d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã chia cổ tức cho cổ đông theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 số 59/NQ.ĐHĐCĐ ngày 30 tháng 6 năm 2021 với số tiền là 127.127.875.000 VND.

### 23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

#### 23a. Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	82.853,33	344.185,53
Euro (EUR)	3.175,44	3.209,28
Dollar Úc (AUD)	5.601,44	61,13

#### 23b. Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Nguyên tệ</u>	<u>VND</u>	<u>Nguyên tệ</u>	<u>VND</u>
Khách hàng nước ngoài	9.429.462,13	182.038.120.299	9.429.462,13	182.038.120.299
Khách hàng trong nước		20.833.538.351		20.833.538.351
<b>Cộng</b>		<b><u>202.871.658.650</u></b>		<b><u>202.871.658.650</u></b>

Nguyên nhân xóa sổ: Nợ quá hạn thanh toán nhiều năm không thu hồi được.

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

#### 1a. Tổng doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán thành phẩm	4.240.215.864.458	4.297.125.021.806
Doanh thu bán điện năng lượng mặt trời	10.148.441.362	192.254.000
Doanh thu khác	13.124.192.438	6.957.933.838
<b>Cộng</b>	<b><u>4.263.488.498.258</u></b>	<b><u>4.304.275.209.644</u></b>

#### 1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con và công ty liên doanh được trình bày ở thuyết minh số V.2, Công ty còn phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con và công ty liên doanh như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Công ty TNHH Đại Tây Dương</b>		
Doanh thu bán điện năng lượng mặt trời	2.160.627.750	-
Doanh thu khác	27.007.140	14.307.300
<b>Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Navifeed</b>		
Doanh thu bán thành phẩm	56.517.946.480	240.401.601.280
Doanh thu khác	545.377.500	10.155.500

# CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
<b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
Hàng bán bị trả lại	2.504.743.725	22.976.219.079
Giảm giá hàng bán	6.852.904.915	14.954.329.733
<b>Cộng</b>	<b>9.357.648.640</b>	<b>37.930.548.812</b>
<b>3. Giá vốn hàng bán</b>		
Giá vốn của thành phẩm đã bán	3.859.266.933.972	3.880.760.058.244
Giá vốn của điện năng lượng mặt trời	2.578.559.747	61.808.494
Giá vốn khác	1.666.561.140	1.965.871.279
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(317.302.953)	(12.932.570)
<b>Cộng</b>	<b>3.863.194.751.906</b>	<b>3.882.774.805.447</b>
<b>4. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	23.966.167.279	27.966.098.547
Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.056.599	7.805.701
Lãi tiền cho vay	399.475.330	5.531.463.122
Cổ tức, lợi nhuận được chia	125.000.000.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	12.137.277.893	5.671.535.413
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	698.690.225
Lãi bán hàng trả chậm	999.921.349	3.695.931.558
Doanh thu hoạt động tài chính khác	2.086.002.617	861.977.232
<b>Cộng</b>	<b>164.596.901.067</b>	<b>44.433.501.798</b>
<b>5. Chi phí tài chính</b>		
Chi phí lãi vay	69.116.476.639	55.577.477.407
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	6.420.345.129	6.504.556.021
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	1.962.723.715	-
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư dài hạn	1.862.257.600	695.599.110
Dự phòng tổn thất đầu tư	9.303.879.571	19.177.187.872
Chi phí tài chính khác	209.818.754	1.674.905.542
<b>Cộng</b>	<b>88.875.501.408</b>	<b>83.629.725.952</b>
<b>6. Chi phí bán hàng</b>		
Chi phí cho nhân viên	6.493.359.606	6.353.459.071
Chi phí vật liệu, bao bì	69.349.153	146.681.642
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	212.566.731	388.113.421
Chi phí hoa hồng	25.501.397.714	40.058.140.495
Chi phí vận chuyển	185.858.214.874	77.670.064.942
Chi phí dịch vụ mua ngoài	32.832.454.172	31.287.929.263
Các chi phí khác	1.357.600.288	2.072.885.448
<b>Cộng</b>	<b>252.324.942.538</b>	<b>157.977.274.282</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	20.160.640.693	21.516.776.906
Chi phí vật liệu quản lý	2.255.373.417	1.206.780.095
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.102.054.572	704.838.681
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.707.403.324	1.789.107.209
Thuế, phí và lệ phí	3.326.462.386	3.684.025.705
Dự phòng phải thu khó đòi	(73.872.509)	4.439.296.361
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.893.370.109	2.508.718.185
Các chi phí khác	5.587.463.007	7.598.813.647
<b>Cộng</b>	<b><u>35.958.894.999</u></b>	<b><u>43.448.356.789</u></b>

#### 8. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	144.561.728	-
Thu từ bồi thường	7.472.269.044	10.256.038.004
Xử lý công nợ tồn lâu	309.876.055	-
Thu nhập khác	838.002.234	1.373.505.752
<b>Cộng</b>	<b><u>8.764.709.061</u></b>	<b><u>11.629.543.756</u></b>

#### 9. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lỗi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	68.523.026
Thuế bị phạt, bị truy thu	29.753.977	-
Chi phí khác	274.298.302	469.039.229
<b>Cộng</b>	<b><u>304.052.279</u></b>	<b><u>537.562.255</u></b>

#### 10. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### 11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.051.796.719.630	2.992.120.478.163
Chi phí nhân công	234.920.269.382	235.971.810.132
Chi phí khấu hao tài sản cố định	54.830.893.188	54.161.272.558
Chi phí dịch vụ mua ngoài	739.525.009.765	722.349.459.522
Chi phí khác	37.524.297.913	60.395.691.723
<b>Cộng</b>	<b><u>4.118.597.189.878</u></b>	<b><u>4.064.998.712.098</u></b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Trong năm Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tạm tăng tài sản thuê tài chính bằng cách nhận nợ	-	11.561.994.220
Mua tài sản thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính	16.921.818.182	15.630.180.833
Thuế VAT khấu trừ thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính	1.692.181.818	
Kết chuyển nợ phải trả thành nợ thuê tài chính	9.881.879.591	

Số dư các khoản công nợ liên quan đến tài sản cố định như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả tiền mua tài sản cố định	9.146.754.996	42.542.631.679
Trả trước tiền mua tài sản cố định	264.545.464	141.500.000
Bán tài sản cố định chưa thu tiền	-	11.561.994.220

### VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

#### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### 1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành quản lý (Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Các thành viên chủ chốt</b>		
<b>Ông Doãn Tới</b>		
Công ty đi vay	370.627.250.000	21.358.000.000
Công ty chia cổ tức	71.805.000.000	139.110.000.000
Lãi vay	19.875.739.714	-
<b>Ông Doãn Chí Thanh (*)</b>		
Công ty chia cổ tức	-	34.320.000.000
Công ty đi vay	-	43.302.000.000
Lãi vay	959.649.338	106.942.904
Tạm ứng	500.000.000	-
<b>Ông Doãn Chí Thiên (*)</b>		
Công ty chia cổ tức	-	34.319.998.000
Công ty đi vay	40.500.000.000	7.000.000.000
Lãi vay	511.260.778	-

# CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Các thành viên chủ chốt khác</i>		
Tạm ứng	510.000.000	329.700.000
<b>Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt</b>		
<b>Ông Doãn Chí Thanh</b>		
Công ty chia cổ tức	17.160.000.000	-
<b>Ông Doãn Chí Thiên</b>		
Công ty chia cổ tức	12.159.999.000	-
Lãi vay	647.366.259	-

(\*) Các thành viên chủ chốt này được miễn nhiệm từ ngày 30 tháng 6 năm 2021 nên công bố giao dịch chi trong 6 tháng đầu năm 2021.

### *Cam kết bảo lãnh*

Ông Doãn Tới dùng tài sản cá nhân để bảo đảm cho khoản vay của Công ty Ngân hàng United Overseas Bank (xem thuyết minh số V.20).

### *Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.19 và V.20.

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

### *Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban kiểm toán nội bộ*

	<u>Cộng thu nhập</u>
<b>Năm nay</b>	
Ông Đỗ Lập Nghiệp – Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám Đốc	767.539.393
Ông Doãn Tới – Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	311.986.281
Ông Trần Minh Cảnh – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc - Bộ nhiệm TV HĐQT ngày 30/6/2021	510.498.563
Ông Nguyễn Văn Vỹ – Phó Tổng Giám đốc	447.115.774
Ông Doãn Chí Thanh – Thành viên Hội đồng quản trị - Miễn nhiệm ngày 30/6/2021	317.807.070
Ông Doãn Chí Thiên – Thành viên Hội đồng quản trị - Miễn nhiệm ngày 30/6/2021	518.228.393
Bà Nguyễn Thị Minh Ý – Thành viên độc lập	120.000.000
Bà Doãn Hải Phượng – Thành viên độc lập	120.000.000
Bà Dương Thị Kim Hương – Phó Tổng Giám đốc	105.639.615
Ông Lê Tiến Dũng - Trưởng Ban kiểm toán nội bộ	208.758.588
Ông Dương Minh Phong - Thành viên Ban kiểm toán nội bộ	263.007.130
Ông Nguyễn Trọng Hữu – Thành viên Ban kiểm toán nội bộ	4.000.000
Ông Nguyễn Anh Đức - Kế toán trưởng - Miễn nhiệm ngày 12/5/2021	55.028.988
Bà Huỳnh Thị Kim Thoa – Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng	658.785.379
<b>Cộng</b>	<b><u>4.408.395.174</u></b>
	<u>Cộng thu nhập</u>

# CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Cộng thu nhập</u>
<b>Năm trước</b>	
Ông Đỗ Lập Nghiệp – Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám Đốc	785.712.305
Ông Doãn Tới – Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	534.064.638
Ông Nguyễn Duy Nhứt – Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám Đốc	502.728.923
Ông Trần Minh Cảnh – Phó Tổng Giám đốc	454.662.627
Ông Nguyễn Văn Vỹ – Phó Tổng Giám đốc	472.863.706
Ông Doãn Chí Thanh – Thành viên Hội đồng quản trị	707.626.638
Ông Doãn Chí Thiên – Thành viên Hội đồng quản trị	690.593.638
Bà Nguyễn Thị Minh Ý – Thành viên độc lập	120.000.000
Bà Doãn Hải Phượng – Thành viên độc lập	120.000.000
Ông Nguyễn Thanh Ngọc – Thành viên độc lập	60.000.000
Ông Dương Minh Phong – Trưởng Ban kiểm toán nội bộ	221.065.799
Ông Lê Tiến Dũng – Thành viên Ban kiểm toán nội bộ	184.914.799
Ông Nguyễn Trọng Hữu – Thành viên Ban kiểm toán nội bộ	135.926.248
Bà Huỳnh Thị Kim Thoa – Kế toán trưởng	697.232.711
<b>Cộng</b>	<b>5.687.392.032</b>

## 1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương	Công ty con
Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản Nam Việt Bình Phú	Công ty con
Công ty TNHH MTV Nam Việt Solar	Công ty con
Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương Solar	Công ty con
Công ty TNHH MTV Đại Tây Dương Solar	Công ty con
Công ty TNHH MTV Phân bón Hữu cơ Nam Việt	Công ty con
Công ty TNHH Amicogen Nam Việt	Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát
Công ty TNHH Đại Tây Dương	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Navifeed	Công ty do con của Tổng Giám đốc thành lập

### *Giao dịch với các bên liên quan khác*

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con và công ty liên danh đã được trình bày ở thuyết minh số V.2 cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên danh đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b. Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Công ty TNHH Đại Tây Dương</b>		
Thuê kho	2.499.640.000	2.139.840.000
Mua nguyên vật liệu	-	61.667.400
Phí sử dụng hạ tầng	139.907.772	141.948.650
<b>Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Navifeed</b>		
Lãi bán hàng trả chậm	302.392.970	2.300.498.251
Mua dịch vụ khác	57.272.725	222.449.997
Thu hộ tiền điện	1.303.434	5.575.217

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

# CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### *Cam kết bảo lãnh*

Công ty thế chấp Quyền sử dụng đất tọa lạc tại Xã Bình Thạnh, Huyện Châu Thành, Tỉnh An Giang để đảm bảo cho khoản vay của Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (xem thuyết minh số V.12).

Công ty thế chấp tiền gửi có kỳ hạn để đảm bảo cho khoản vay của Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản Nam Việt Bình Phú tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội (xem thuyết minh số V.2).

### *Công nợ với các bên liên quan khác*

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.6, V.14, V.15 và V.20.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

## **2. Thông tin về bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

### **2a. Thông tin về khu vực địa lý**

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở trong nước và xuất khẩu.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Xuất khẩu	2.054.874.579.814	1.821.430.335.048
Trong nước	2.199.256.269.804	2.444.914.325.784
<b>Cộng</b>	<b>4.254.130.849.618</b>	<b>4.266.344.660.832</b>

Công ty không thực hiện theo dõi các thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng.

### **2b. Lĩnh vực kinh doanh**

Hoạt động của Công ty chủ yếu chỉ nằm trong một lĩnh vực kinh doanh là sản xuất chế biến cá.

## **3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

An Giang, ngày 20 tháng 3 năm 2022

Cao Thi Kim Thờ  
Người lập biểu

Huỳnh Thị Kim Thoa  
Giám đốc tài chính



Trần Minh Cảnh  
Phó Tổng Giám đốc



## CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang  
BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Phụ lục ..: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	1.275.396.250.000	21.489.209.100	(27.587.629.848)	988.650.548.329	2.257.948.377.581
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	129.656.832.301	129.656.832.301
Chia cổ tức, lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	(254.255.750.000)	(254.255.750.000)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>1.275.396.250.000</b>	<b>21.489.209.100</b>	<b>(27.587.629.848)</b>	<b>864.051.630.630</b>	<b>2.133.349.459.882</b>
Số dư đầu năm nay	1.275.396.250.000	21.489.209.100	(27.587.629.848)	864.051.630.630	2.133.349.459.882
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	170.166.950.168	170.166.950.168
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	-	-	-	-
Chia cổ tức, lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	(127.127.875.000)	(127.127.875.000)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>1.275.396.250.000</b>	<b>21.489.209.100</b>	<b>(27.587.629.848)</b>	<b>907.090.705.798</b>	<b>2.176.388.535.050</b>

Đơn vị tính: VND



Cao Thị Kim Thơ  
Người lập



Huỳnh Thị Kim Thoa  
Giám đốc tài chính

Ngày 20 tháng 3 năm 2022



Trần Minh Cảnh  
Phó Tổng Giám đốc



Số: **909** /CV-KTTC

Long Xuyên, ngày 29 tháng 03 năm 2022

Trích yếu: "Giải trình biến động lợi nhuận  
Công ty mẹ năm 2021 so với cùng kỳ năm trước"

**Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HỒ CHÍ MINH**

Công ty Cổ phần Nam Việt (mã chứng khoán: ANV) giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ như sau:

Lợi nhuận sau thuế năm 2021 lãi 170,2 tỷ đồng, tăng 40,5 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân cụ thể như sau:

- Công ty con chuyển lợi nhuận về cho công ty mẹ
- Lợi nhuận gộp năm 2021 đạt 390,9 tỷ đồng, tăng 7,36 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.
- Tuy nhiên, Chi phí bán hàng tăng 94,3 tỷ tương đương 59,7% so với cùng kỳ năm trước (chủ yếu là chi phí cước tàu, chi phí vận chuyển tăng nhiều).

Công ty giải trình số liệu với quý cơ quan và cổ đông biết.

Trân trọng kính chào.

**Nơi nhận:**

- Nhu trên
- Ban TGD
- Lưu VT

